

**1 Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc**

- Nhận biết sản phẩm
- Tên sản phẩm: **SANIFLEX**
- Mã sản phẩm: 205004XZ
- Mục đích sử dụng hóa chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng  
Không có thông tin liên quan.
- Các ứng dụng của chất/hỗn hợp Chất bịt kín (trám)
- Chi tiết về Nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
- Nhà sản xuất/Nhà cung cấp:  
SCHOMBURG GmbH  
Aquafinstr. 2-8  
D-32760 Detmold  
Đức  
-----  
Tel: ++49 (0)5231/953-00  
Fax: ++49 (0)5231/953-123  
email: info@schomburg.de  
web: www.schomburg.de
- Phòng Thông tin:  
Phòng An toàn Sản phẩm  
  
Tel: ++49 (0)5231/953-193  
Fax: ++49 (0)5231/953-106  
email: guido.herfort@schomburg.de

**2 Nhận biết nguy hiểm**

- Phân loại hóa chất hay hỗn hợp
- Phân loại theo Quy định (EC) Số 1272/2008  
Sản phẩm không được phân loại theo qui định CLP.
- Phân loại theo Chỉ thị 67/548/EEC hoặc Chỉ thị 1999/45/EC không
- Thông tin về các nguy hiểm cụ thể cho người và môi trường:  
Không để sản phẩm rò rỉ ra hệ thống thoát nước, nguồn cấp nước hoặc đất.  
Sản phẩm không phải dán nhãn theo quy trình tính toán trong "Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các chế phẩm của liên minh Châu Âu (EU)", phiên bản hiện hành mới nhất.
- Hệ thống phân loại:  
Phân loại theo các danh mục hiện hành của EC. Tuy nhiên, được mở rộng dựa trên các thông tin kỹ thuật và thông tin từ nhà cung cấp.
- Thành phần nhãn
- Dán nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008 Không có thông tin
- Biểu tượng Nguy hiểm Không có thông tin
- Từ báo hiệu Không có thông tin
- Cảnh báo nguy hiểm Không có thông tin
- Các mối nguy hiểm khác
- Kết quả thẩm định PBT và vPvB
- PBT: Không áp dụng.
- vPvB: Không áp dụng.

**3 Thành phần/Thông tin về các phụ liệu**

- Đặc tính hóa học: Hỗn hợp
- Mô tả: Là chế phẩm có nước dựa trên sự phân tán polyme và các chất đệm cacbonat.
- Các thành phần nguy hiểm: Không có thông tin

(Xem tiếp ở trang 2)

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **SANIFLEX**

(Tiếp theo trang 1)

- **Thông tin thêm** Xem Mục 16 để biết các cụm từ rủi ro được liệt kê.

**4 Các biện pháp sơ cứu**

- **Mô tả các biện pháp sơ cứu**
- **Thông tin tổng quan** Bảo hộ cá nhân cho nhân viên sơ cứu.
- **Sau khi hít phải** Cung cấp không khí sạch hoặc oxy, gọi ngay cho bác sỹ
- **Sau khi tiếp xúc với da** Rửa ngay bằng nước và xà phòng thật kỹ.
- **Sau khi tiếp xúc với mắt** Giữ mắt mở và rửa liên tục trong vài phút dưới dòng nước đang chảy.
- **Sau khi nuốt phải**  
Uống nhiều nước và hít thở không khí trong lành. Gọi ngay cho bác sỹ .  
Cho bác sỹ xem bao bì hoặc nhãn.
- **Thông tin dành cho bác sỹ điều trị**
- **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**  
Không có thông tin liên quan.
- **Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay**  
Không có thông tin liên quan.

**5 Các biện pháp chữa cháy**

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các chất dập lửa phù hợp**  
Sản phẩm có thể cháy khi tồn tại thành phần nước.  
**Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp** Không có thông tin liên quan.
- **Chỉ dẫn cho nhân viên chữa cháy**
- **Thiết bị bảo hộ:** Đeo bình khí thở (SCBA).
- **Thông tin bổ sung** Tuân thủ quy trình ứng phó khẩn.

**6 Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải**

- **Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và qui trình ứng phó khẩn**  
Tránh tiếp xúc với mắt và da.  
Tránh xa để phòng nguy hiểm cho người.  
Mặc trang phục bảo hộ lao động. Cách ly những người không được bảo hộ.
- **Bảo vệ môi trường:**  
Không để sản phẩm chảy vào hệ thống thoát nước hoặc nguồn nước.  
Sản phẩm không được rò rỉ ra hệ thống thoát nước, đường cấp nước hoặc đất.
- **Các biện pháp và vật liệu dùng để thu dọn và vệ sinh:**  
Có thể ngấm vào vật liệu giữ chất lỏng (cát, đất tảo cát, vữa axit, vữa thường, mùn cưa).
- **Các mục tham khảo khác**  
Xem Mục 7 để biết thông tin về xử lý an toàn  
Xem Mục 8 để biết thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân.  
Xem Mục 13 để biết thông tin về tiêu hủy chất thải.

**7 Xử lý và cất giữ**

- **Xử lý**
- **Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn**  
Tránh xa nhiệt và ánh nắng mặt trời trực tiếp.  
Đề xa tầm với của trẻ em.
- **Thông tin về các biện pháp phòng chống cháy nổ:** Không yêu cầu biện pháp đặc biệt nào.
- **Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm cả điều kiện không tương thích**
- **Cất giữ**
- **Các yêu cầu đối với phòng bảo quản và thùng chứa:** Không có yêu cầu đặc biệt.
- **Thông tin về cất giữ trong một điều kiện bảo quản thông thường:**  
Đề nghị tuân thủ các qui tắc của VCI-Bảo quản-Khái niệm đối với hóa chất.

((Xem tiếp ở trang 3)

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

**Tên thương mại: SANIFLEX**

(Tiếp theo trang 2)

- **Thông tin bổ sung về điều kiện cất giữ:** Không có thông tin.
- **Chỉ định riêng** Không có thông tin liên quan.

**8 Kiểm soát phơi nhiễm/ Bảo hộ cá nhân**

- **Thông tin bổ sung về thiết kế của các hệ thống kỹ thuật:**  
Phải có điều kiện vệ sinh da ở nơi làm việc.  
Phải có sẵn chai nước rửa mắt.
- **Thông số kiểm soát**
- **Các thành phần có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc:**  
Sản phẩm không chứa bất kỳ hàm lượng vật liệu nào có liên quan có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc.
- **Thông tin bổ sung:** Các danh mục có hiệu lực trong quá trình biên soạn được sử dụng làm thông tin cơ sở.
- **Kiểm soát phơi nhiễm**
- **Thiết bị bảo hộ cá nhân**
- **Tổng quan các biện pháp vệ sinh và bảo hộ**  
Rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm.  
Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thông thường trong xử lý hóa chất.  
Không ăn uống hoặc hút thuốc trong khi làm việc.  
Tránh tiếp xúc với mắt và da. Thay quần áo bị sản phẩm làm nhiễm bẩn nặng. Sử dụng kem dưỡng da sau khi làm việc.  
Bảo đảm rửa sạch da kỹ lưỡng sau khi làm việc và trước khi nghỉ giải lao.
- **Thiết bị thở:** Không yêu cầu.
- **Bảo vệ tay:** Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay cao su nitril.
- **Chất liệu làm găng tay**  
Việc lựa chọn găng tay phù hợp không chỉ phụ thuộc vào chất liệu mà còn dựa trên các mục tiêu về chất lượng và thay đổi tùy theo nhà sản xuất. Vì là một chế phẩm của một vài hợp chất nên độ bền của chất liệu làm găng không thể tính toán trước được, và do đó phải được kiểm tra trước khi sử dụng.
- **Thời gian thấm của chất liệu làm găng tay**  
Thời gian mòn thủng chính xác phải do nhà sản xuất cung cấp và phải được theo dõi.
- **Bảo vệ mắt:** Kính bảo vệ
- **Bảo vệ cơ thể:** Quần áo bảo hộ.

**9 Các đặc tính lý, hóa**

- **Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản**
- **Tổng quan**
- **Tính chất vật lý:**

· <b>Thế:</b>	Sền sệt
· <b>Màu sắc:</b>	Vàng
· <b>Mùi:</b>	Nhẹ, đặc trưng
· <b>Ngưỡng mùi:</b>	Không xác định.
- **Độ pH ở nhiệt độ 20 °C:** 8.2
- **Thay đổi trong điều kiện**

· <b>Điểm nóng chảy/Phạm vi nóng chảy:</b>	Không xác định
· <b>Điểm sôi/Phạm vi sôi:</b>	100 °C
- **Điểm bùng cháy:** Không áp dụng
- **Khả năng Tự cháy:** Sản phẩm không tự bốc cháy.
- **Nguy cơ cháy nổ:** Sản phẩm không có nguy cơ cháy nổ.
- **Tỷ trọng ở 20 °C** 1.400 g/cm<sup>3</sup>

((Xem tiếp ở trang 4)

**Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu**

Theo Qui định số 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **SANIFLEX**

(Tiếp theo trang 3)

- |   |                               |
|---|-------------------------------|
| · <b>Tỷ trọng tương đối</b>                           | Không xác định.               |
| · <b>Độ hòa tan trong /Khả năng hòa lẫn với Nước:</b> | Hòa tan                       |
| · <b>Độ nhớt:</b>                                     |                               |
| <b>Độ nhớt động lực ở 20 °C:</b>                      | 18500 mPas                    |
| <b>Độ nhớt động học:</b>                              | Không xác định.               |
| · <b>Thông tin khác</b>                               | Không có thông tin liên quan. |

**10 Độ ổn định và Hoạt tính**

- **Hoạt tính**
- **Độ Ổn định hóa học**
- **Phân hủy do nhiệt/ các điều kiện cần tránh:**  
Không phân hủy nếu sử dụng đúng theo chỉ dẫn kỹ thuật.
- **Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm** Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến
- **Điều kiện cần tránh** Không có thông tin liên quan.
- **Vật liệu không tương thích:** Không có thông tin liên quan.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến

**11 Thông tin về Độc tính**

- **Thông tin về các ảnh hưởng độc hại**
- **Độc tính cấp:**
- **Các giá trị LD/LC50 phù hợp để phân loại:**  
**1317-65-3 Canxi cacbonat**  
Đường miệng LD50 >2000 mg/kg (rat)
- **Hiệu ứng kích thích sơ cấp:** Chưa có tác động kích thích nào được biết đến.
- **Trên da:** Không có hiệu ứng kích thích.
- **Trên mắt:** Không có hiệu ứng kích thích
- **Mẫn cảm:** Chưa có trường hợp mẫn cảm nào được biết đến.
- **Thông tin độc tính bổ sung:**  
Sản phẩm không chịu sự phân loại theo phương pháp tính toán trong Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các Chế phẩm của EC - phiên bản hiện hành mới nhất.

**12 Thông tin sinh thái**

- **Độc tính**
- **Độc tính thủy sinh:**  
**1317-65-3 Canxi cacbonat**  
EC50 >200 mg/l (độc hại cho tảo)  
EC50 (48h) >1000 mg/l (bọ chết nước)  
LC50/96h >10000 mg/l (cá hồi)
- **Sự tồn lưu và khả năng phân hủy** Không có thông tin liên quan.
- **Diễn biến trong các hệ môi trường:**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thông tin liên quan.
- **Độ linh động trong đất** Không có thông tin liên quan.
- **Thông tin sinh thái bổ sung:**
- **Lưu ý chung:**  
Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước nhóm 1 (Tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước. Không để sản phẩm nguyên chất hoặc khối lượng lớn sản phẩm tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước và hệ thống nước thải.
- **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
- **PBT:** Không áp dụng.

((Xem tiếp ở trang 5)

**Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu**

Theo Quy định số 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **SANIFLEX**

(Tiếp theo trang 4)

- **vPvB:** Không áp dụng.
- **Các ảnh hưởng có hại khác** Không có thêm thông tin liên quan.

**13 Những lưu ý khi tiêu hủy**

- **Các biện pháp xử lý chất thải**

- **Khuyến nghị**

Với khối lượng nhỏ thì có thể vứt bỏ cùng với rác thải sinh hoạt.  
Chuyển đến cơ sở tiêu hủy chất thải được cấp phép.

- **Danh mục chất thải của Ủy ban Châu Âu**

08 00 00 CHẤT THẢI TỪ SẢN XUẤT, CHẾ TẠO, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG (MFSU) CÁC CHẤT BAO PHỦ (SƠN, VÉC NI VÀ MEN THỦY TINH), CHẤT KẾT DÍNH, CHẤT TRÁM VÀ MỤC IN

08 04 00 chất thải từ MFSU các chất kết dính và chất trám (bao gồm các sản phẩm chống thấm)

08 04 10 chất thải từ các chất kết dính và chất trám khác ngoài những chất đã được đề cập ở mục

08 04 09

- **Bao bì chưa được làm sạch:**

- **Khuyến nghị:** Phải tiêu hủy theo các quy định chính thức.

- **Chất làm sạch khuyến nghị:** Nước, dùng thêm chất tẩy rửa nếu cần.

**14 Thông tin về Vận chuyển**

- **Mã LHQ (UN)**

- **ADR, ADN, IMDG, IATA** Không có thông tin

- **Tên vận chuyển theo qui ước của LHQ**

- **ADR, ADN, IMDG, IATA** Không có thông tin

- **Phân loại nguy hiểm khi vận chuyển**

- **ADR, ADN, IMDG, IATA**

- **Cấp độ** Không có thông tin

- **Nhóm đóng gói**

- **ADR, IMDG, IATA** Không có thông tin

- **Nguy hiểm cho môi trường:**

- **Ô nhiễm biển:** Không có thông tin

- **Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng** Không áp dụng.

- **Vận chuyển với khối lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và quy tắc IBC** Không áp dụng.

- **Vận chuyển/Thông tin bổ sung:** Không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn trên.

- **"Quy định mẫu" của LHQ:** -

**15 Thông tin pháp luật**

- **Các quy định/pháp chế cụ thể về môi trường, sức khỏe, và an toàn lao động đối với hóa chất hoặc hỗn hợp**

- **Các quy định quốc gia**

- **Các hướng dẫn kỹ thuật (không khí):**

- **Tỉ trong Phân loại bằng %**

- **NK 0.1**

- **Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước:**

Nguy hiểm cho môi trường nước Nhóm 1 (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.

Phân loại dựa trên các hướng dẫn của Đức.

((Xem tiếp ở trang 6))

**Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu**  
Theo Qui định số 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **SANIFLEX**

(Tiếp theo trang 5)

- **Thẩm định an toàn hóa chất:** Chưa tiến hành thẩm định an toàn hóa chất.

**16 Thông tin khác**

Dữ liệu này được biên soạn dựa trên vốn kiến thức mới nhất của chúng tôi. Dữ liệu không tuyên bố sự bảo đảm cho bất kỳ thuộc tính cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý nào.

- **Bộ phận phát hành bảng dữ liệu tiêu chuẩn:** Phòng Bảo vệ Môi trường.

- **Liên hệ:** Ông Guido Herfort

- **Từ và cụm từ viết tắt:**

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (Quy Định Vận Tải Đường Bộ Châu Âu Đối Với Hàng Hóa Nguy Hiểm)

IMDG: Bộ Luật Hàng Hải Quốc Tế Về Hàng Hóa Nguy Hiểm

IATA: Hiệp Hội Vận Tải Hàng Không Quốc Tế

GHS: Hệ Thống Hải Hoà Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất

EINECS: Danh Mục Các Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành Của Liên Minh Châu Âu

ELINCS: Danh Mục Các Hóa Chất Đã Khai Báo Của Liên Minh Châu Âu

CAS: Phòng Ngâm Chiết Hóa Chất (cơ quan trực thuộc Hiệp hội Hóa chất Hoa Kỳ)

LC50: Nồng độ gây chết người, 50 phần trăm

LD50: Liều lượng gây chết người, 50 phần trăm

GB